

Cơ sở thực tiễn về dạy thêm, học thêm ở Việt Nam và trên thế giới

Hồ Thị Hồng Vân*¹, Thạch Thị Lan Anh²,
Nguyễn Thị Thanh Nga³, Trần Thị Bích Ngân⁴,
Phùng Thị Thu Trang⁵, Nguyễn Thị Kiều Anh⁶

* Tác giả liên hệ

¹ Email: vanhth@gesd.edu.vn

² Email: thachlananhn@gmail.com

³ Email: nganttt@gesd.edu.vn

⁴ Email: ngantb@vnies.edu.vn

⁵ Email: trangptt@vnies.edu.vn

⁶ Email: anhntk@gesd.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội Việt Nam

TÓM TẮT: *Dạy thêm, học thêm là một hiện tượng xã hội đã và đang diễn ra ở nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Đây là vấn đề nóng, luôn được dư luận xã hội quan tâm và vẫn là bài toán khó cho các nhà quản lý giáo dục Việt Nam. Từ một phần kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu đánh giá tác động của dạy thêm, học thêm đến việc dạy và học trong nhà trường phổ thông”, bài viết đã khái quát lên bức tranh chung về thực trạng, xu thế của việc dạy thêm, học thêm tại Việt Nam và một số nước trên thế giới trong bối cảnh kinh tế, xã hội khác nhau qua những nghiên cứu đã được thực hiện về vấn đề này. Từ đó, nhóm tác giả tổng hợp các quan điểm đánh giá về những tác động của dạy thêm, học thêm ở cả góc độ tích cực và tiêu cực đối với học sinh, cha mẹ học sinh, giáo viên và xã hội. Đây là tiền đề, là cơ sở thực tiễn vững chắc để nhóm tác giả tiếp tục thực hiện những nghiên cứu tiếp theo, từ đó có những đề xuất về giải pháp cho dạy thêm, học thêm ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.*

TỪ KHÓA: *Dạy thêm học thêm, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, tác động.*

→ Nhận bài 27/3/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 16/5/2023 → Duyệt đăng 20/8/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12320118>

1. Đặt vấn đề

Vấn đề dạy thêm, học thêm ở Việt Nam được hiểu đa dạng và có từ đời xưa. Chúng ta không cần nghiên cứu nó cũng đã tồn tại nhưng chúng ta nhận thấy có một điều cần nghiên cứu, đó là: Tuy có nhiều ý kiến khác nhau về dạy thêm, học thêm nhưng vấn đề này vẫn tồn tại và thăng trầm theo giai đoạn khác nhau trong lịch sử giáo dục nước nhà. Dạy thêm, học thêm có thể là nhu cầu tự thân của mỗi học sinh và gia đình, có thể là phong trào địa phương, bên cạnh là phong trào thi đua Dạy tốt - Học tốt. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số hiện nay, mặc dù chúng ta vẫn chưa có một công trình nghiên cứu thực sự đầy đủ về vấn đề này và chưa có những công trình nghiên cứu đầy đủ về hiệu quả của dạy thêm, học thêm cũng như tác động của vấn đề này đến việc dạy và học trong nhà trường phổ thông. Nhưng có khá nhiều bài viết, những thông tin hằng năm phàn nàn, không hài lòng về vấn đề dạy thêm, học thêm ở các cấp học, nhất là trước các kì thi chuyển cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Như vậy, để có một cách nhìn nhận thống nhất trong đánh giá mặt được và chưa được của dạy thêm, học thêm; để tạo sự đồng thuận trong xã hội về hoạt động dạy thêm nói riêng và giáo dục nói chung thì cần phải có những chính sách từ phía Bộ Giáo dục và Đào tạo, với mong muốn những giải pháp đưa ra có tính phù hợp cao và cân bằng được vấn đề chênh lệch giữa cung - cầu của

dạy thêm, học thêm, từ đó góp phần nâng cao chất lượng việc dạy và học trong các nhà trường phổ thông.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu và lịch sử phát triển của dạy thêm và học thêm tại Việt Nam

2.1.1. Thực trạng của việc dạy thêm, học thêm tại Việt Nam

a. Bối cảnh về kinh tế, xã hội của Việt Nam về vấn đề dạy thêm, học thêm

Dạy thêm, học thêm trong thời kì phong kiến: Các kì thi Nho học ở Việt Nam được dùng để lựa chọn nhân tài làm quan cho triều đình. Hệ thống khoa cử này bắt đầu có từ năm 1075 dưới triều vua Lí Nhân Tông và chấm dứt vào năm 1919 đời vua Khải Định. Để tham gia được vào con đường khoa cử, nam nhi trong thời kì phong kiến đa số được các gia đình khá giả đầu tư cho học hành ngay từ nhỏ. Họ mời một số thầy đồ nho kèm cặp cho con mình học tập ngay tại nhà.

Dạy thêm, học thêm thời kì trước Cách mạng Tháng Tám: Cùng với việc nổ súng xâm lược Việt Nam vào năm 1858, để phục vụ cho guồng máy cai trị, người Pháp đặt mục tiêu hủy diệt nền Nho học, chữ Hán, chữ Nôm phải triệt bỏ và thay thế bằng chữ Pháp, chữ quốc ngữ cùng một họ mẫu tự La tinh. Việc học thêm cũng diễn ra dưới hình thức các sinh viên, học sinh ở cấp học cao hơn dạy kèm vài ba em học sinh cấp học dưới theo hình thức gia sư cá nhân hoặc gia sư nhóm.

Dạy thêm, học thêm từ sau Cách mạng tháng Tám đến năm 1985: Đây là thời kì phát triển mạnh mẽ của một nền giáo dục khoa học, dân tộc, đại chúng. Thời kì này, học trò hầu như không phải đóng góp khoản nào, thầy dạy hầu như không có thù lao, nếu có thì là nguồn hỗ trợ từ Nhà nước hoặc một chút ít không đáng kể từ cha mẹ học sinh. Vì vậy, hầu như thời kì này vấn đề dạy thêm, học thêm chưa được đặt ra.

Dạy thêm, học thêm thời kì đổi mới đến nay: Đất nước mở cửa, kinh tế - xã hội phát triển, dân trí được nâng lên, chương trình, hình thức đào tạo thay đổi... Tất cả là nguyên nhân dẫn đến tâm lí lo lắng và ganh đua trong học sinh và các bậc cha mẹ học sinh. Từ đó, xuất hiện nhu cầu học thêm và đáp ứng nhu cầu đó là việc dạy thêm. Dạy thêm, học thêm phát triển mạnh nhất ở thành thị và những nơi đời sống kinh tế của dân cư khá cao.

Năm 2019, đại dịch COVID-19 làm kinh tế thế giới và Việt Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Theo đó, giáo dục bị ảnh hưởng nặng nề. Nhiều trường học phải đóng cửa. Học sinh ở nhà trong thời gian dài. Trong lúc Nhà nước và ngành Giáo dục còn đang tìm giải pháp khắc phục đồng bộ, mang tính hệ thống thì nhu cầu được học thêm để tăng cường kiến thức, tạo môi trường giao tiếp cho học sinh tăng cao, cha mẹ học sinh có nhu cầu lớn trong việc tìm gia sư theo hình thức trực tuyến cho con. Việc dạy thêm, học thêm trên các nền tảng số xuất hiện ở tất cả các cấp học phổ thông. Các lớp học trực tuyến được mở giữa cá nhân thầy cô với học sinh hoặc với nhóm học sinh nhỏ.

Có thể thấy, dạy thêm, học thêm có nguồn gốc từ kinh tế - văn hóa, xã hội và giáo dục. Trong bối cảnh hiện nay, dạy thêm, học thêm vẫn đang diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau: Tiền tiêu học, phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi, ôn thi vào lớp 10, luyện thi đại học... Dạy thêm, học thêm có thể thực hiện dưới hình thức gia sư, theo các nhóm lớp quy mô khác nhau, học tại các trung tâm, các phòng học lớn, học trực tuyến qua Internet...

b. Việc thực hiện những quy định về dạy thêm, học thêm hiện nay

Dạy thêm, học thêm đã trở thành một vấn đề nghiêm trọng đến mức Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật cấm dạy thêm bắt buộc, học thêm đại trà trong trường (Nghị định số 242, BGDĐT, 1993), quy định mức thu tiền học thêm mà nhà trường có thể thu của học sinh (Thông tư số 16, Bộ Giáo dục và Đào tạo-TTC, 1993). Tuy nhiên, sau khi các quy định này được ban hành, lớp học thêm vẫn phát triển đến mức Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phải ban hành thêm một số văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh, trong đó nổi bật là Thông tư số 15 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2000) hướng dẫn về các giải pháp cấp bách cần thực hiện để kiểm soát dạy thêm, học thêm.

Cho đến thời điểm hiện nay, đã có rất nhiều chỉ thị, quy định của các cơ quan chức năng về vấn đề dạy thêm,

học thêm. Theo Thông tư số 17 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 16 tháng 5 năm 2012 quy định về dạy thêm - học thêm, quy định một số đối tượng không được dạy thêm. Trong đó, Điều 4 quy định: Không dạy thêm đối với học sinh đã được nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; không dạy thêm đối với học sinh tiểu học, trừ các trường hợp: Bồi dưỡng về nghệ thuật, thể dục thể thao, rèn luyện kĩ năng sống; cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và trường dạy nghề không tổ chức dạy thêm, học thêm các nội dung theo Chương trình Giáo dục phổ thông.

Để hạn chế tình trạng dạy thêm, học thêm, năm học 2016 - 2017, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đã có văn bản chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, các trường tuyệt đối không tổ chức dạy học, ôn tập văn hóa trong tháng 6 và tháng 7 cho học sinh, kể cả dạy chữ trước khi vào lớp 1... Thế nhưng, "lệnh cấm" cứ ban hành, việc dạy và học vẫn cứ diễn ra.

Theo Nghị định số 138/2013/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục, mức phạt cho hành vi vi phạm quy định dạy thêm, học thêm là từ 1 đến 12 triệu đồng. Nếu dạy thêm sai đối tượng, không đúng nội dung được cấp phép thì người dạy sẽ bị tước quyền sử dụng giấy phép dạy thêm từ 6 đến 12 tháng và nếu tổ chức dạy thêm khi chưa được cấp phép sẽ bị đình chỉ hoạt động dạy thêm từ 12 đến 24 tháng.

c. Khái quát kết quả khảo sát thực trạng của việc học thêm của học sinh lớp 9 và lớp 12 tại Việt Nam

Việc dạy thêm, học thêm diễn ra từ trước bậc học Phổ thông và tập trung nhiều ở các lớp cuối từng cấp học. Để có thể nhìn nhận rõ ràng hơn về thực trạng của việc học thêm, nghiên cứu sử dụng số liệu của cuộc khảo sát đánh giá diện rộng do dự án RGEF (Dự án Hỗ trợ đổi mới giáo dục phổ thông) do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện năm 2020. Đề tài khai thác các kết quả có được với học sinh lớp 9 và lớp 12.

Dự án khảo sát 18.227 học sinh lớp 9 để ghi nhận kết quả về tỉ lệ học thêm các môn: Ngữ văn, Toán học, Vật lí, Hóa học, Sinh học. Số liệu khảo sát cho thấy, số lượng học sinh lớp 9 trong vùng được khảo sát học thêm khá nhiều, tập trung ở các môn Ngữ văn và Toán:

Môn Ngữ văn: Có 38.2% học sinh trong khảo sát đi học thêm Ngữ văn lớp 9, chủ yếu tập trung ở vùng Đồng bằng Sông Hồng (11.8%), vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (10.4%). Thấp nhất là Tây Nguyên (6.1%).

Môn Toán: Có 54.2% học sinh trong khảo sát đi học thêm Toán lớp 9, chủ yếu tập trung ở vùng Đồng bằng Sông Hồng (15.5%), vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (15.1%).

- Việc học thêm có thực sự là nhu cầu của các em? Lí do đi học thêm của học sinh lớp 9 được cuộc khảo sát tổng kết có 75.7% học sinh đồng ý rằng, việc học thêm để giúp đạt điểm cao hơn, tập trung chủ yếu ở vùng Đồng bằng Sông Hồng (21.1%). Ngoài ra, học

sinh cũng đồng ý với tỉ lệ khác nhau về việc các em đi học thêm sẽ giúp các em hiểu nội dung các môn học hơn, cụ thể như sau:

Môn Ngữ văn: 35.6% các em cho rằng, việc học thêm giúp các em rất nhiều trong việc hiểu nội dung môn Văn. Có 30.3% các em không cho ý kiến.

Môn Toán: 46.2% các em cho rằng, việc học thêm giúp các em rất nhiều trong việc hiểu nội dung môn Toán. Có 27.2% các em không cho ý kiến.

Tương tự, dự án khảo sát 19.032 học sinh lớp 12 để ghi nhận kết quả về tỉ lệ học thêm các môn Ngữ văn, Toán học, Lịch sử, Địa lí. Số liệu khảo sát cho thấy, số lượng học sinh lớp 12 trong vùng được khảo sát học thêm rất lớn, tập trung ở các môn Ngữ văn và Toán. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, có 83.8% học sinh đồng ý rằng, việc học thêm để giúp đạt điểm cao hơn, tập trung chủ yếu ở vùng Đồng bằng Sông Hồng (20.3%).

Những số liệu trên đủ sức cho chúng ta nhìn nhận vấn đề học thêm hiện nay đang rất nan giải, học sinh đi học thêm chủ yếu để phục vụ cho các kì thi, nhất là các kì thi chuyên cấp. Do vậy, cần có những nghiên cứu đề xuất giải pháp và chính sách thích hợp nhằm hỗ trợ tốt nhất cho các em học sinh và gia đình cũng như giáo viên và các nhà trường.

2.1.2. Các nghiên cứu về tác động của dạy thêm, học thêm trong các trường phổ thông tại Việt Nam

Về tác động tích cực:

Các tác giả đã nhìn nhận một cách khách quan về những tác động tích cực của dạy thêm, học thêm như sau. Một trong những khía cạnh tích cực của việc học thêm là bổ sung thêm kiến thức cho học sinh, giúp học sinh nâng cao lực học sau một thời gian rèn luyện, giúp các em học yếu theo kịp các bạn học của mình, giúp những em học giỏi đạt được trình độ cao hơn. Chương trình ở nhà trường chỉ nhắm đến việc đạt những yêu cầu chung cho tất cả học sinh, hầu như sẽ không bao giờ có đủ điều kiện để đáp ứng các đặc điểm về năng khiếu, sở thích hoặc nguyện vọng nghề nghiệp của từng em. Việc tổ chức dạy và học thêm là để bù vào khoảng trống này. Học sinh yếu sẽ được hỗ trợ, củng cố kiến thức còn hổng, thiếu để đảm bảo việc học ở lớp mà không bị tụt lại phía sau. Học sinh có năng khiếu sẽ được nâng cao năng lực, đáp ứng những nhu cầu, mục tiêu học tập lớn hơn như đạt kết quả khá giỏi, tham gia các kì thi, vào các trường chuyên lớp chọn.

Dạy thêm, học thêm là cơ hội để giáo viên nắm bắt rõ hơn về năng lực của học sinh, kịp thời điều chỉnh phương pháp, nội dung dạy học phù hợp với đối tượng. Đây cũng là tác động tích cực của dạy thêm, học thêm. Việc tiếp xúc với học sinh qua các lớp dạy thêm, học thêm, nhất là đối tượng học sinh của lớp mình giúp giáo viên hiểu hơn học sinh, có phương pháp hỗ trợ học sinh kịp thời, điều chỉnh nội dung và cách thức dạy học, đảm bảo phân hóa học sinh.

Về tác động tiêu cực:

Học thêm lấy đi quỹ thời gian của học sinh. Tác giả Lê Xuân Chiến (2018) đã nói về tác hại của học thêm: Chỉ cần học thêm 2-3 môn, mỗi môn 2-3 buổi/tuần thì thời gian học của học sinh sẽ phủ kín cả tuần. Học sinh không còn thời gian tham gia lao động, sinh hoạt ở nhà, không có thời gian vui chơi cùng gia đình. Trong khi đó, một số học sinh đi học thêm còn bỏ đi chơi nên gia đình không kiểm soát được. Thậm chí tiềm ẩn nhiều rủi ro khi các em đi lại trên đường đi học thêm.

Học thêm làm thui chột khả năng tự học, mất hứng thú học tập. Học là tư duy, rèn luyện kĩ năng tư duy, tìm tòi, nghiên cứu, sáng tạo, chứ không phải nhồi nhét kiến thức. Muốn có kĩ năng tư duy, sáng tạo không gì tốt hơn tự học, tự nghiên cứu. Học thêm khiến cho học sinh không có thời gian tự học ở nhà, khả năng tự học giảm sút, thậm chí mất khả năng tự học. Các em chỉ quen đi theo “lối mòn” mà giáo viên hướng dẫn, “lập trình” sẵn. Chính điều này làm các em thiếu tự tin, thụ động trong tư duy và ảnh hưởng đến khả năng tự lập sau này.

Học sinh ảo tưởng về sức học của mình. Nhờ học thêm, học sinh được điểm cao, cuối năm đạt loại khá, giỏi, xuất sắc. Các em vui vẻ phấn khởi, cha mẹ học sinh rất tự hào về con em mình. Điều đó tuy chính đáng nhưng chính thành tích nhờ học thêm đã làm cho không ít em ảo tưởng về sức học của mình.

Ảnh hưởng đến hình ảnh người thầy và mất niềm tin vào hệ thống giáo dục. Giáo viên dạy thêm để có thu nhập cao thì cần nhiều học sinh theo học. Vì thế, không ít giáo viên ép học sinh học thêm bằng nhiều hình thức và nhiều “chiêu trò” được đưa ra để học sinh phải đi học thêm, ứng xử chưa đúng chuẩn đạo đức nhà giáo (ý kiến của tác giả Lê Xuân Chiến (2018), Hoàng Ngọc Vinh (2021)). Chính điều này làm cho hình ảnh người thầy không còn đẹp đẽ trong ánh mắt học sinh, cha mẹ học sinh, mất niềm tin vào hệ thống giáo dục.

Như vậy, qua ý kiến của các tác giả, các nhà nghiên cứu cho thấy dạy thêm, học thêm tuy bản chất không phải là xấu, xuất phát từ nhu cầu của cha mẹ học sinh và học sinh nhưng trong bối cảnh xã hội hiện nay những tác động của nó gồm cả hai mặt: tích cực và tiêu cực. Những tác động phân tích trên đây là cơ sở để từ đó các cơ quan chức năng có cách thức quản lí phù hợp.

2.2. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và xu thế của thế giới về dạy thêm, học thêm trong nhà trường phổ thông

2.2.1. Một số vấn đề chung về tình hình dạy thêm, học thêm ở một số nước

Tỉ lệ dạy thêm, học thêm: Một số nghiên cứu về dạy thêm, học thêm tại các quốc gia đã được thực hiện trong những năm gần đây. Học thêm ngày càng được quan tâm trong các nghiên cứu xuyên quốc gia, sử dụng các công cụ chuẩn hóa giữa các nhóm quốc gia. Rõ nhất là nghiên cứu các xu hướng quốc tế về các môn Khoa học và Toán học được tiến hành dưới sự bảo trợ của

Hiệp hội Đánh giá Kết quả Giáo dục Quốc tế (IEA) và Chương 4 Giáo dục ngoài luồng trình Đánh giá học sinh Quốc tế (PISA) được tiến hành dưới sự bảo trợ của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD).

Nghiên cứu đã chỉ ra những chỉ số về học thêm giữa ở một số quốc gia có tỉ lệ học thêm cao như Trung Quốc, Hàn Quốc và một số nước Châu Á khác. Nghiên cứu ở Trung Quốc, điều tra về Việc làm và Giáo dục Hộ gia đình đô thị năm 2004 tại 4.772 hộ gia đình cho thấy, 73,8% học sinh tiểu học học thêm, bao gồm cả các môn ngoài môn học chính. Tỉ lệ này tại trung học cơ sở và trung học phổ thông là 65,6% và 53,5% [1]. Một điều tra năm 2010 với 6.474 học sinh tại Tế Nam cho thấy, 28,8% học sinh trung học cơ sở học thêm môn Toán học, 29,3% học thêm tiếng Anh (Zhang, 2011). Ở Hàn Quốc, năm 2008, có 87,9% học sinh tiểu học đi học thêm. Ở cấp Trung học cơ sở, tỉ lệ này là 72,5%; ở cấp Trung học phổ thông, tỉ lệ này là 60,5% (Kim, 2010).

Thời lượng và đối tượng dạy thêm, học thêm: Nghiên cứu cho thấy, một số học sinh học thêm suốt cả năm, trong khi số còn lại chỉ học thêm trong giai đoạn chuẩn bị thi cử. Tuy nhiên, thời lượng học thêm phụ thuộc nhiều hơn vào bản chất các quy trình tuyển sinh ở các giai đoạn khác nhau trong hệ thống giáo dục. Tại Singapore, kì thi tốt nghiệp tiểu học là một sự kiện tuyển chọn lớn vì đó là yếu tố chủ yếu để xác định học sinh có thể vào trường trung học nào. Vì lẽ đó, thời lượng học thêm ở cấp Tiểu học tại Singapore chẳng kém gì so với cấp Trung học (Tan 2009).

Dữ liệu nghiên cứu từ Hàn Quốc cho thấy, tỉ lệ tham gia học thêm ở cấp Tiểu học cao hơn so với cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Điều này phản ánh mong muốn của cha mẹ học sinh muốn tạo nền tảng chắc chắn cho con em nhưng cũng phản ánh một trong những chức năng của học thêm là chức năng trông trẻ. Tỉ lệ học thêm tại các trường trung học dạy nghề khá thấp do học sinh cảm thấy các em đã không còn đi theo con đường học vấn.

Môn học và hình thức dạy thêm, học thêm: Các môn học có nhu cầu học thêm nhiều nhất là các môn được coi là cần thiết nhất để được học lên cao hơn trong các hệ thống giáo dục. Đó thường là môn Toán học, môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ như tiếng Anh. Tại Gruzia, trong số các học sinh học thêm được khảo sát bởi Viện Chính sách, Quy hoạch và Quản lý Giáo dục Quốc tế, có 48% học thêm môn Toán học, 23% học thêm môn Ngữ văn và 78% học thêm môn Ngoại ngữ (EPPM, 2011).

Ngoài việc bám theo trực tiếp các môn học ở trường, các lớp học thêm có thể diễn giải chi tiết và bổ trợ các môn học ở trường theo nhiều cách khác nhau. Để thu hút khách hàng, giáo viên dạy thêm thường thể hiện sự khác biệt của bản thân họ so với nhà trường thông qua nội dung và phương pháp giảng dạy. Họ có cách dạy riêng và lên giáo án riêng cho hình thức một kèm một. Đối với các trường hợp phụ đạo, họ có xu hướng bám theo phạm

vi giáo án trong trường. Đối với trường hợp dạy nâng cao, họ sẽ mở rộng giáo án bằng những tài liệu bổ sung.

Do đó, mặc dù giáo dục ngoài luồng hiểu theo nghĩa ẩn dụ là cái bóng bám theo chương trình giảng dạy chính khóa ở trường, một số giáo viên đã “dạy trước”. Đây là một hiện tượng đã trở nên phổ biến tại Hàn Quốc, một số nơi dạy trước cho học sinh trong hai tháng hè trước khi năm học bắt đầu và khi vào năm học tiếp tục dạy trước chương trình trên lớp (Lee và cộng sự 2004, Dawson 2010). Điều này gây khó khăn cho các giáo viên ở trường khi họ thấy rằng, có một số học sinh đã được học về nội dung đó còn các em khác chưa được học.

Chi phí dạy thêm, học thêm: Chi phí cho học thêm có thể cần được xem xét ở hai cấp độ: Cấp độ cá nhân hoặc hộ gia đình; cấp độ quốc gia. Chi phí cho việc học thêm có thể khác nhau rất nhiều phụ thuộc vào chất lượng, địa điểm, quy mô nhóm học, tính chất của cơ sở dạy học và nhiều yếu tố khác.

Ở Hàn Quốc, các nhóm thu nhập cao sử dụng dịch vụ học thêm nhiều hơn và dẫn đến chi tiêu cho học thêm lớn hơn. Tương ứng như vậy, ngay cả học sinh ở các trường dạy nghề xuất thân từ những hộ gia đình có thu nhập cao cũng đi học thêm nhiều hơn và có chi phí cho học thêm lớn hơn. Khoảng cách giữa các hộ gia đình thu nhập cao và thu nhập thấp đã tăng lên trong thập kỉ qua (Byun, 2011).

Nghiên cứu tại những địa bàn khác đã làm rõ hơn sự cân đối giữa chi tiêu hộ gia đình cho việc học thêm và chi tiêu cho các nội dung khác liên quan đến giáo dục. Nghiên cứu ở cấp Trung học tại Băng-la-đét cho thấy, đối với những học sinh ở trường công lập, bình quân mỗi hộ gia đình chi tiêu cho việc học thêm chiếm 41,9% tổng chi tiêu hộ gia đình cho giáo dục; đối với học sinh tại các trường ngoài công lập được trợ cấp, tỉ lệ này là 29,2%.

Ở Hàn Quốc, năm 2006, chi tiêu cho việc học thêm tương đương 80% chi tiêu của Chính phủ cho giáo dục công lập ở cấp Tiểu học và Trung học (Kim và Lee, 2010). Chi tiêu cho giáo dục ngoài luồng tăng hằng năm kể từ năm 1998 đến 2009 và chỉ bắt đầu giảm nhẹ trong năm 2010. Trong năm đó, chi tiêu lên đến 20,8 ngàn tỉ won (17,3 tỉ USD). Nhật Bản. Các hộ gia đình ở Nhật Bản theo báo cáo vào năm 2010 đã chi tiêu khoảng 924 tỉ yên (12 tỉ USD) (Dawson, 2010) cho việc học thêm. Các hộ gia đình ở Singapore chi tiêu khoảng 820 triệu đô-la Singapore (680 triệu USD) cho học thêm tại các trung tâm và ở nhà trong năm 2008. Con số này tăng so với mức 470 triệu đô-la Singapore một thập kỉ trước đó (Basu, 2010).

2.2.2. Đặc điểm về dạy thêm, học thêm ở một số nước

a. Liên minh Châu Âu

Một số đặc điểm về dạy thêm, học thêm của các nước trong Liên minh Châu Âu đã được tác giả Bray (2021) tổng kết như sau [2]:

- Dạy thêm, học thêm đã tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây ở hầu hết các quốc gia trong liên minh Châu Âu. Điều này có ảnh hưởng sâu sắc tới kinh tế, xã hội và cả nền giáo dục của các quốc gia.

- Tình trạng dạy thêm, học thêm giữa các quốc gia trong khối có sự khác biệt. Các quốc gia ở Nam Âu có tỉ lệ dạy thêm học thêm cao hơn các khu vực khác. Tình hình dạy thêm học thêm của Đông Âu và Trung Âu cũng tương đối phổ biến trong khi ở Tây Âu, quy mô của việc này đã tăng trưởng rất nhanh trong những thập kỉ gần đây, các quốc gia Bắc Âu là có tỉ lệ thấp nhất.

- Mặc dù dạy thêm, học thêm thường chỉ xuất hiện ở những nơi mà hệ thống giáo dục chính thống còn yếu kém, nhưng không thể không tính đến những yếu tố khác. Nhiều quốc gia có hệ thống phát triển nhưng vẫn có tỉ lệ dạy thêm, học thêm cao do áp lực của thi cử và các bài kiểm tra.

- Ở các quốc gia Đông Âu, một trong những nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của tình trạng dạy thêm, học thêm chính là sự sụt giảm mức lương của giáo viên từ những năm 1990.

- Ở các quốc gia Tây Âu, các cuộc thi, thành tích, xếp hạng của trường, học tập dựa trên thi cử và những áp lực đưa đến cho gia đình và trẻ em là nguyên nhân chính thúc đẩy việc mở rộng dạy thêm, học thêm.

- Hầu hết học sinh học thêm là những học sinh đạt thành tích cao vì các em muốn duy trì lợi thế và những đặc quyền mình có được khi là những học sinh ưu tú.

- Dạy thêm, học thêm có thể duy trì và làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng vì những gia đình có thu nhập cao hơn cho con học thêm nhiều hơn và lựa chọn được những nơi dạy thêm, học thêm có chất lượng và chi phí cao hơn.

- Ở một số quốc gia, nhiều học sinh học thêm nhiều và không có thời gian rảnh rỗi. Điều này gây ảnh hưởng tới sự phát triển toàn diện cả về thể chất và tâm lí của học sinh.

- Tính chất của dạy thêm, học thêm ở một số nước chỉ là để phục vụ cho các bài kiểm tra với những câu hỏi luyện đề, với mục đích là để học sinh có thể vượt qua các bài thi mà không mang nhiều ý nghĩa sư phạm.

- Những học sinh ở thành phố tham gia học thêm nhiều hơn là những học sinh ở nông thôn.

- Ở nhiều quốc gia thành viên, những giáo viên đứng lớp chính thống cũng là những giáo viên dạy thêm bên ngoài trường với mục đích kiếm thêm thu thập. Nhiều giáo viên dạy thêm cho những học sinh mình dạy trên lớp chính thống.

- Ngành công nghiệp dạy thêm học thêm là một nguồn việc làm mở rộng cũng như là cách để nhiều giáo viên chính thống kiếm thêm thu nhập. Đây là một lí do tại sao cả chính phủ và công đoàn ở các quốc gia thành viên có xu hướng tránh chủ đề này.

- Chính sách liên quan đến dạy thêm, học thêm ở các quốc gia thành viên có sự khác biệt tương đối lớn và

chia ra làm ba hướng chính đó là, thắt chặt, nới lỏng hoặc tránh đi để thị trường tự điều phối.

Tóm lại, tình hình dạy thêm học thêm có xu hướng tăng ở hầu hết các nước trong Liên minh trừ các nước Bắc Âu. Yếu tố ảnh hưởng lớn nhất với tình trạng này đó là áp lực của các kì thi, ngoài ra còn có một yếu tố nữa đó là thêm thu nhập cho giáo viên. Vấn đề này đang được nhận định là mang lại nhiều hạn chế hơn là lợi ích cho xã hội nói chung và học sinh nói riêng.

b. Nhật Bản

Ở Nhật Bản, dạy học thêm được coi như là một phần cuộc sống học tập của học sinh và phụ huynh sẵn sàng trả học phí để con mình đi học thêm. Tình trạng này phổ biến ở Nhật Bản tới mức có hẳn một từ trong tiếng Nhật để chuyên gọi các nơi cung cấp dạy thêm, học thêm, hay gọi cách khác, các trung tâm luyện thi, đó là juku. Theo Bray và Seng (2005) và Roesgaard (2006), có gần 50,000 trường Juku ở Nhật, nhiều hơn hẳn số lượng của tất cả các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông là 35,000 trường [3].

Có hai lí do khiến học sinh tham gia học thêm, đó là mong muốn thi đỗ vào các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông hoặc đại học có tiếng hoặc là những em gặp khó khăn trong việc theo kịp các lớp học bình thường. Với giáo viên trong trường ở Nhật Bản, bên cạnh các công tác giảng dạy, họ còn phải thực hiện rất nhiều các nhiệm vụ giảng dạy khác nên thời gian để trả lời câu hỏi hoặc quan tâm tới từng học sinh trong lớp ngoài giờ học là rất khó.

Về chính sách liên quan, học thêm ở Nhật Bản là hoàn toàn tự nguyện, không bắt buộc. Chính phủ Nhật Bản chấp nhận xu thế chung của xã hội và chỉ quy định rất chặt chẽ về việc giáo viên đứng lớp chính thống không được dạy thêm. Nếu giáo viên nào bị phát hiện dạy thêm thì sẽ bị đuổi việc do nhận thấy điều này có thể ảnh hưởng không tốt tới học sinh.

Như vậy, tình hình dạy thêm, học thêm ở Nhật Bản nhận được sự ủng hộ của nhiều đối tượng và có minh chứng về tác động tích cực của vấn đề này đối với xã hội và sự phát triển kinh tế của Nhật Bản. Bài học ở đây là làm sao để có các chính sách hợp lí, phù hợp với tổng thể văn hóa, xã hội và nhu cầu của quốc gia.

2.2.3. Một số kết quả nghiên cứu về dạy thêm, học thêm của các nước

- Yếu tố chính tác động đến nhu cầu học thêm là *nhận thức* cho rằng đầu tư cho giáo dục sẽ đem lại lợi ích to lớn qua việc đạt kết quả tốt trong các kì thi quan trọng và vào được các trường trung học và đại học có uy tín cao. Rất ít phụ huynh được đọc các nghiên cứu thực chứng về tỉ suất lợi nhuận cho giáo dục nhưng hầu hết mọi người đều cho rằng, một người học càng nhiều và chất lượng giáo dục càng tốt thì càng có tiềm năng có được thu nhập và mức sống cao hơn trong cuộc đời của mình [4], [5]. Tương tự, các hộ gia đình biết rằng học

kém ở trường và thi cử kém liên quan đến cơ hội việc làm hạn chế hơn và mức sống thấp hơn.

- Các yếu tố *văn hóa* cũng là nhân tố thường được đưa ra thảo luận để giải thích tại sao ở một số khu vực tình hình dạy thêm học thêm lại phổ biến hơn các khu vực khác trên thế giới. Ví dụ, ở một số khu vực như Đông Á và Đông Nam Á, nơi Nho giáo đã có ảnh hưởng từ lâu trong lịch sử, với việc nhấn mạnh tới tầm quan trọng của các kiến thức hàn lâm, đã tác động mạnh đến nhu cầu dạy thêm học thêm ở những quốc gia này [6], [7]. Văn hóa ở Nam Á lại thể hiện sự khác biệt khác. Chẳng hạn, Sri Lanka đã có truyền thống học thêm từ lâu do các thế hệ trước để lại. Những nghiên cứu chi tiết có từ những năm 1980 nhưng những bình luận của xã hội về chuyện này đã có ít nhất từ những năm 1940 [8]. Dạy thêm, học thêm đã thâm nhập vào văn hóa chung đến mức nó được coi là một phần bình thường của cuộc sống hàng ngày, không những chỉ đối với trẻ em ngày nay mà còn đối với cả các bậc cha mẹ và thậm chí cả ông bà của các em. Cũng trong nghiên cứu này, trong năm 1995 - 1996 tại Ấn Độ, học thêm nhìn chung được coi là một dịch vụ xa xỉ nhưng đến năm 2006 - 2007 nó đã được coi là một dịch vụ thiết yếu.

- Một yếu tố liên quan đến xã hội nữa ảnh hưởng tới nhu cầu học thêm đó là sự đa dạng về nguồn cung, từ các đối tượng như hàng xóm, các học sinh lớp trên, thành viên trong gia đình cho đến giáo viên trên lớp chính khóa, công ty nhượng quyền toàn cầu, các công ty hoạt động qua Internet. Tại Hàn Quốc, số lượng giáo viên dạy thêm tăng trưởng bình quân khoảng 7,1% mỗi năm trong giai đoạn từ 2001 đến 2006 và đến năm 2009 đây là ngành thu hút lao động lớn nhất số sinh viên tốt nghiệp các ngành khoa học xã hội và nhân văn (Kim và Park 2012). Liên quan đến khía cạnh thương mại, nhiều mô hình nhượng quyền dạy thêm đã xuất hiện tại một số quốc gia. Chẳng hạn, Kumon được coi là “Chương trình bổ sung môn Toán sau giờ học lớn nhất trên thế giới”, có trụ sở tại Nhật Bản và hoạt động tại 46 quốc gia bao gồm Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Ấn Độ, Indonesia, Hàn Quốc, Malaysia, Philippines, Singapore, Sri Lanka, Thái Lan. Mô hình Kip McGrath có trụ sở tại Australia đã nhượng quyền tại 20 quốc gia trong năm 2012 bao gồm cả Indonesia và Singapore [8]. Các công ti khác chủ yếu tập trung vào thị trường trong nước nhưng cũng hoạt động theo mô hình chuỗi cơ sở với nhiều địa điểm khác nhau. Tại Hồng Kông, Trung Quốc, từ năm 2005- 2006 đến năm 2009 - 2010, số lượng các cơ sở mở ra theo chuỗi đã tăng từ 38 lên đến 106 [9]. Các cơ sở này tuyên bố chiếm tới 54% tổng năng lực dạy thêm trung học, trong đó trên một nửa được cung cấp bởi sáu công ti và một trong số đó đã được niêm yết ra công chúng tại thị trường chứng khoán Hồng Kông năm 2011. Tại Ấn Độ, Everonn được niêm yết trên thị trường chứng khoán Bom-bay. Trong năm 2011, công ty này đã phục vụ đến tám triệu

lượt học sinh tại 10.100 trung tâm học thêm. Tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, công ti Xueda, được thành lập năm 2004, đã được niêm yết trên thị trường chứng khoán New York năm 2010. Trong năm 2009, công ti điều hành 273 trung tâm học thêm và sử dụng 11.300 giáo viên tại 28 trên 34 tỉnh và thành phố của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa [1]. Một số công ty trong đó còn mở trường và các doanh nghiệp khác bên cạnh việc cung cấp dịch vụ dạy thêm. Chẳng hạn, Đại học Beacon tại Hồng Kông, Trung Quốc chủ yếu tổ chức dạy thêm cho học sinh trung học nhưng còn vận hành một cơ sở dạy toàn thời gian. Tại Ấn Độ, Educomp vận hành 800 trường tiền tiểu học và 56 trường tiểu học và trung học bên cạnh dịch vụ dạy thêm các môn học chính và đào tạo về công nghệ thông tin. Ở phạm vi nhất định, nguồn cung không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu - nguồn cung còn tạo ra nhu cầu. Càng xuất hiện nhiều nhà cung cấp dịch vụ dạy thêm và càng nhiều học sinh theo học thì các em khác càng cảm thấy khó theo kịp với những mẹo và cách làm bài thi mà bạn học của mình được học. Cho nên những em không có ý định học thêm cũng phải đi học thêm để không bị bất lợi trong cạnh tranh. Tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Hàn Quốc và Thái Lan, các công ti làm cho học sinh và phụ huynh thêm nóng lòng bằng những quảng cáo mạnh mẽ trên báo chí, trên xe buýt và các bảng tin. Những áp lực tương tự cũng tồn tại ở những cơ sở dạy thêm nhỏ lẻ hoặc khi giáo viên dạy thêm ngoài giờ cho học sinh của họ.

- Yếu tố về sự phát triển *kinh tế* cũng được nhắc đến như là một trong những nguyên nhân dẫn đến dạy thêm học thêm. Đối với một số nước đang phát triển, điều mà Dhall (2011) gọi là “hiệu ứng phát triển muộn” đang xảy ra: một quốc gia bắt đầu quá trình hiện đại hóa càng muộn thì “bằng cấp ngày càng được sử dụng rộng rãi để lựa chọn nghề nghiệp và việc đi học sẽ theo định hướng thi cử nhiều hơn” [10, tr.72]. Hệ quả của quá trình này là “căn bệnh bằng cấp”. Theo đó, bằng cấp của một người có thể làm công cụ sàng lọc ban đầu cho việc làm, bất kể người đó có nhận được các kỹ năng giáo dục đầy đủ hay không.

3. Kết luận

Các yếu tố cơ bản tạo nên sự phát triển của dạy thêm, học thêm ở các nước có thể khác nhau nhưng dù ở bối cảnh xã hội nào thì dạy thêm, học thêm cũng có ảnh hưởng đối với kết quả học tập và kế hoạch trong tương lai của cả học sinh và giáo viên. Sự mong muốn và nguồn lực của mỗi gia đình là một trong các yếu tố quan trọng thúc đẩy và đảm bảo chất lượng học thêm của con em họ. Vấn đề đặt ra là cơ hội phát triển của những học sinh có điều kiện được học thêm và những học sinh không có điều kiện học thêm sẽ như thế nào? Những giáo viên được dạy thêm ngoài giờ dạy chính khoá có cải thiện được cả về chuyên môn lẫn thu nhập và ổn định tâm lý khi làm việc ở trường không? Dù có nhiều

lí do khác nhau cho việc dạy thêm, học thêm và dù xét ở mặt tích cực hay tiêu cực thì dạy thêm, học thêm luôn là vấn đề cấp bách cần được các nhà quản lý giáo dục, các nhà hoạch định chính sách nghiên cứu, xem xét một cách nghiêm túc và có những giải pháp phù hợp.

Lời cảm ơn: Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu đánh giá tác động của dạy thêm, học thêm đến việc dạy và học trong nhà trường phổ thông”, mã số B2022-VKG-07.

Tài liệu tham khảo

- [1] Xue, Hai-ping và Xiao-hao Ding, (2009), *Một nghiên cứu về dạy thêm cho học sinh ở thành phố và thị xã tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, Nghiên cứu Giáo dục, 30 (1):39-46, bản tiếng Trung.
- [2] Bray, M, (2021), *Shadow education in Europe: Growing prevalence, underlying forces, and policy implications*, ECNU Review of Education, 4(3), p.442-475.
- [3] Bray, Mark - Seng Bunly, (2005), *Cân đối số sách: Nguồn tài chính hộ gia đình cho giáo dục cơ bản tại Campuchia*, Washington DC: Ngân hàng Thế giới, và Hồng Kông: Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục So sánh, Đại học Hồng Kông, Bản công bố trực tuyến: <http://www0.hku.hk/cerc/Publications/cambodia.htm>.
- [4] Bray, Mark - Emmanuelle Suso, (2008), *Những thách thức của học thêm: Các Mẫu hình Toàn cầu và Ý nghĩa đối với Châu Phi*, Tài liệu nghiên cứu theo yêu cầu của Hội nghị Bộ trưởng Hai năm một lần của Hiệp hội Phát triển Giáo dục châu Phi, Ma-pu-tô, Mô-dăm-bích, Bản công bố trực tuyến: <http://www.adeanet.org/adeaPortal/adea/Biennale%202008/Documentation/Papers%20for%20presentation/04.%20Session%204/Parallel%20session%204D/Final%20PDF%20documents/Session%204D%20Doc%201%20IIIEP%20ENG.pdf>.
- [5] Benveniste, Luis, Jeffrey H. Marshall, Lucrecia Santibañez, (2008), *Dạy học ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Washington DC: Lĩnh vực Phát triển Con người, Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương, Ngân hàng Thế giới, và Viên Chăn: Bộ Giáo dục, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- [6] Lee, Chong-Jae, Hyun-Jeong Park, Heesook Lee, (2009), *Các Hệ thống Giáo dục ngoài luồng*, Trong Gary Sykes, Barbara Schneider, David N. Plank (Biên tập), Sổ tay Nghiên cứu Chính sách Giáo dục. Niu Y-óc: Hiệp hội Nghiên cứu Giáo dục Mỹ, tr.901-919.
- [7] Dawson, Walter, (2009), *Mẹo của giáo viên: Giáo dục ngoài luồng và tiêu cực tại Campuchia*, trong Heyneman, Stephen P. (biên tập), Mua đường lên thiên đàng: Giáo dục và tiêu cực theo góc nhìn quốc tế. Rotterdam, NXB Sense, tr.51-74.
- [8] ADB (Ngân hàng Phát triển Châu Á), (2010), *Giáo dục ngoài luồng*, Ma-ni-la: Ngân hàng Phát triển Châu Á.
- [9] Bae, Sanghoon, Hunseok Oh, Hyunchul Kim, Cheolwon Lee, Beomho Oh, (2010), *Tác động của các chương trình sau giờ học đối với công bằng trong giáo dục và chi tiêu học thêm*, Thời báo Giáo dục Châu Á Thái Bình Dương 11(3), p.349-361.
- [10] Dhall, Mohan, (2011a), *Xu hướng và vấn đề trong học thêm: Góc nhìn Toàn cầu*, Báo NTA (Hiệp hội Dạy thêm Quốc gia, Hoa Kỳ), Số Mùa đông 2011:1, 5-15. Bản công bố trực tuyến: http://www.ata.edu.au/component/option,com_docman/task,doc_view/gid,143.
- [11] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể*, Ban hành kèm theo TT32/2018/TT-BGDĐT.

PRACTICAL BASIS FOR TUTORING IN VIETNAM AND IN THE WORLD

**Ho Thi Hong Van*¹, Thạch Thị Lan Anh²,
Nguyễn Thị Thanh Nga³, Trần Thị Bích Ngân⁴,
Phùng Thị Thu Trang⁵, Nguyễn Thị Kiều Anh⁶**

* Corresponding author

¹ Email: vanhth@gesd.edu.vn

² Email: thachlananhntn@gmail.com

³ Email: nganttt@gesd.edu.vn

⁴ Email: ngantb@vnies.edu.vn

⁵ Email: trangpnt@vnies.edu.vn

⁶ Email: anhntk@gesd.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: Tutoring is a social phenomenon that has been taking place in many countries around the world, including Vietnam. It is an outstanding issue with public interest and a difficult problem for Vietnamese education managers. From a part of the research results of the ministry-level project titled “Research to assess the impact of tutoring and tutoring on teaching and learning in high schools”, the paper has generalized the overall picture of the situation and the trend of tutoring in Vietnam and other foreign countries in different socio-economic contexts through the previous research. Therefore, we also synthesized assessments about the impacts of tutoring from both positive and negative perspectives on students, students’ parents, teachers, and society. This will be a premise and a solid practical basis for the authors to continue to carry out further studies, provide solutions for the current tutorial teaching and learning in Vietnam.

KEYWORDS: Tutoring, teachers, students, parents, impact.